

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2021/HS-ST
Ngày 08-02-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương và ông Quảng Văn Mãng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Thiệu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **D**, sinh năm 1995, tại C, Mường La, Sơn La; Nơi ĐKKHKT: Bản S, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Giàng A Sủ, sinh năm 1955 và con bà Cứ Thị Chu, sinh năm 1958; có vợ là Vàng Thị Sua, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2020; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **S**, sinh ngày 31/12/1982, tại C, Mường La, Sơn La; Nơi ĐKKHKT: Bản S, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Cháng A Tủ, (đã chết) và con bà Cháng Thị Pạn, sinh năm 1940; có vợ là Cú Thị Dí, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 30/12/2020; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo S: Ông Lường Duy Tuyên, Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người phiên dịch cho bị cáo S: Bà Vàng Thị Dàng. Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bị hại: Kháng A P, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo D, S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 19/11/2020 Cháng A S gặp Giàng A D tại khu vực rừng thuộc bản S, xã C, huyện M. D hỏi S có đi sang bản N, xã N, huyện M không, S trả lời có. Sau đó S và D cùng nhau đi bộ sang bản N, xã N, huyện M. Khi đến khu vực rừng thuộc đoạn đường cách trung tâm bản N khoảng 10km, D và S thấy có 04 chiếc mô tô để ở đó. Thấy không có người trông coi, D rủ S trộm 01 chiếc mô tô loại xe Win F140c màu đen nhãn hiệu ESPRRO BKS 26L1-09649 đang dựng ở lề đường, S đồng ý. Do không có khóa mở xe nên D đã dùng dao nhọn mang theo cạy ổ khóa điện còn S ở bên cạnh canh người qua lại để D cạy khóa xe. Sau khi cạy được ổ khóa nổ được xe máy D điều khiển xe chở S ngồi đằng sau đến trung tâm bản N thì gặp Công an xã yêu cầu dừng xe, khi D dừng xe do sợ nên S bỏ chạy vào rừng gần đấy và về nhà. Đến ngày 19/12/2020 Cháng A S đã đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M khai nhận đã cùng Giàng A D trộm cắp tài sản.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe mô tô loại xe Win F140c màu đen nhãn hiệu ESPRRO, biển kiểm soát 26L1-09649, số khung 400115, số máy 400115, xe đã qua sử dụng; 01 con dao nhọn kích thước dài 42cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm.

Ngày 22/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã ra yêu cầu định giá tài sản số 37 đối với 01 chiếc xe mô tô loại xe Win F140c màu đen nhãn hiệu ESPRRO, biển kiểm soát 26L1-09649, số khung 400115, số máy 400115, xe đã qua sử dụng.

Ngày 23/11/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện M có kết luận định giá tài sản số 39 ngày 23/11/2020 đối với chiếc xe trên: hiện giá trị còn lại là 4.200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với kết luận của Hội đồng định giá.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSML ngày 22/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo D và S về tội “ Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo D và S đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo D và S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt D từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt S từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có tài sản.

Đối với vật chứng của vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại Kháng A P 01 xe mô tô loại xe Win F140c màu đen nhãn hiệu ESPRRO biển kiểm soát 26L1-09649, số khung 400115, số máy 400115, xe đã qua sử dụng.

Đối với 01 con dao nhọn kích thước dài 42cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại Kháng A P yêu cầu các bị cáo D và S bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo D và bị cáo S đã bồi thường mỗi bị cáo 1.000.000 đồng cho người bị hại. Đề nghị chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án: Đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho các bị cáo D và S.

Bị cáo D không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo S khẳng định bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Song đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng, pháp luật Nhà nước và một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo là người dân tộc sống ở vùng điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết kém, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Đề nghị miễn án phí và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định, tài sản không có giá trị lớn.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường La; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người bị hại Kháng A P vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt người bị hại.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo D và S thừa nhận: Ngày 19/11/2020 D và S đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại

Kháng A P để lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô loại xe Win F140c màu đen nhãn hiệu ESPRRO, biển kiểm soát 26L1-09649, số khung 400115, số máy 400115, xe đã qua sử dụng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 4.200.000 đồng của các bị cáo D và S đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nhưng do lười lao động, háms lòng bất chính nên các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương, gây bất bình, hoang mang trong quần chúng.

[4] Về tính chất đồng phạm: Bị cáo D là người khởi xướng, rủ rê việc thực hiện hành vi trộm cắp, đồng thời là người thực hành tích cực, trực tiếp dùng dao cạy ổ khóa điện của xe máy. Bị cáo S là người canh gác cho bị cáo D, đóng vai trò người giúp sức. Các bị cáo đồng phạm giản đơn, cần căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo S đã tự giác đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mường La khai nhận hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt

Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo.

Đối với bị cáo D: Bị cáo D đóng vai trò thứ nhất trong vụ án, lại là người nghiện chất ma túy. Do đó việc cách ly bị cáo một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để bị cáo cải tạo, giáo dục trở thành người tốt có ích cho xã hội và gia đình, đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa giáo dục chung.

Đối với bị cáo S: Trong vụ án bị cáo S phạm tội với vai trò người giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định tại địa phương. Từ các căn cứ trên xét thấy bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng”*. Xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, thu nhập không ổn định, tài sản không có gì giá trị lớn, các bị cáo không có khả năng thi hành, Tòa cần xem xét chấp nhận lời tự bào chữa của bị cáo D và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo S, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại Kháng A Phênh 01 xe mô tô loại xe Win F140c màu đen nhãn hiệu ESPRRO biển kiểm soát 26L1-09649, số khung 400115, số máy 400115, xe đã qua sử dụng.

Đối với 01 con dao nhọn kích thước dài 42cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm, là công cụ bị cáo dùng thực hiện tội phạm, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Kháng A P yêu cầu các bị cáo D và S bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa gia đình bị cáo D và bị cáo S đã bồi thường mỗi bị cáo số tiền 1.000.000 đồng cho bị hại. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa, bị cáo D,

người bào chữa cho bị cáo S xin miễn nộp tiền án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Tuyên bố: bị cáo D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo D 10 (mười) tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam giữ (ngày 19/11/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

Tuyên bố: bị cáo S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo S 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 16 (mười sáu) tháng về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/02/2021).

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo S có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo S.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại Kháng A P 01 xe mô tô loại xe Win F140c màu đen nhãn hiệu ESPRRO biển kiểm soát 26L1-09649, số khung 400115, số máy 400115, xe đã qua sử dụng.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao nhọn kích thước dài 42cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28cm.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận việc bị cáo D và bị cáo S đồng ý bồi thường mỗi bị cáo số tiền 1.000.000 đồng cho bị hại, đã bồi thường xong tại phiên tòa.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo D và S.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/02/2021. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M (2);
- Công an huyện M;
- Bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Trại giam CA tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện M;
- THA hình sự;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)